Journal of educational equipment: Education management, Volume 1, Issue 312 (May 2024)
ISSN 1859 - 0810

Sử dụng bản đồ tư duy để nâng cao động lực học tập của người học ngôn ngữ

Huỳnh Thị Thanh Trúc*
**Trường Đại học Tiền Giang*
Received: 08/3/2024; Accepted: 14/3/2024; Published:14/4/2024

***Abstract**: Motivation plays a crucial role in promoting learner engagement which facilitates their learning. This is the reason why educators have drawn a great amount of attention to how to increase learners' interest in learning. Mind mapping is a teaching technique which can be used for a multitude of purposes and offers numerous benefits in language teaching and learning. The main aim of this paper is to introduce mind maps as an effective and interesting tool in language teaching and learning that enhances learners' motivation.*

***Keywords:** Mind map, teaching technique, learners' motivation.*

1. Đặt vấn đề

Để cải thiện việc dạy và học, đặc biệt là nâng cao động lực học tập cho người học, việc sử dụng các công cụ trực quan để học tập ngày càng trở nên phổ biến. Bản đồ tư duy là một kỹ thuật giảng dạy bằng đồ họa hỗ trợ tư duy phi tuyến tính. Nó đã và đang được khuyến nghị sử dụng cho rất nhiều tình huống và mục đích, đặc biệt là trong việc dạy và học ngôn ngữ. Từ nhiều ưu điểm của bản đồ tư duy đã được chứng minh qua nhiều nghiên cứu, người viết xin được giới thiệu bản đồ tư duy như một công cụ hữu hiệu và thú vị trong việc dạy và học ngôn ngữ nhằm nâng cao động lực của người học. Bài viết này xem xét các tài liệu liên quan đến động lực học tập, bản đồ tư duy và mối quan hệ giữa chúng. Đồng thời, một số nguyên tắc khi vẽ bản đồ tư duy cũng được đề cập trong bài viết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm Bản đồ tư duy

Cha đẻ của Bản đồ tư duy (Mind map) là Tony Buzan, một nhà tâm lý học người Anh. Theo ông, Bản đồ tư duy là một mạng lưới liên kết các hình ảnh và từ ngữ "khai thác đầy đủ các kỹ năng vỏ não: từ ngữ, hình ảnh, con số, logic, nhịp điệu, màu sắc và nhận thức không gian trong một kỹ thuật mạnh mẽ duy nhất". Nó là "sự biểu hiện của tư duy sáng tạo, là một kỹ thuật đồ họa mạnh mẽ cung cấp chìa khóa vạn năng để giải phóng tiềm năng của bộ não" (Buzan và Buzan, 1996). Ông chỉ ra rằng bản đồ tư duy là một cách sáng tạo để ghi lại thông tin hoặc ý tưởng một cách năng động, phản ánh các quá trình của não. Việc vẽ bản đồ tư duy là một kỹ thuật của nghệ thuật tạo hình giúp làm phong phú tiềm năng của bộ não. Murley (2007) đã mô tả bản đồ tư duy như một bản phác thảo trực quan phi tuyến tính chứa thông tin phức tạp. Bà khẳng định rằng kỹ thuật trực quan này có khả năng tạo điều kiện thuận lợi cho "sự sáng tạo, tổ chức, năng suất và trí nhớ." Krasnic (2011) gọi bản đồ tư duy bằng một cái tên khác – sơ đồ trực quan (visual mapping), một biểu đồ được sử dụng để thu thập, tạo ra, kiểm soát và trao đổi thông tin.

Nhìn chung, những định nghĩa đã xem bản đồ tư duy là việc ứng dụng các hình ảnh đồ họa hoặc trực quan để giúp não bộ chúng ta nắm bắt kiến thức một cách hiệu quả. Các quy tắc lập bản đồ tư duy dựa trên thực tế là con người có thể ghi nhớ thông tin bằng hình ảnh dễ dàng hơn nhiều so với thông tin được trình bày dưới dạng từ hoặc số.

Theo Buzan và Buzan (1996), bản đồ tư duy có bốn đặc điểm quan trọng. Thứ nhất, chủ đề được gây chú ý ở trung tâm, tốt nhất là được thể hiện bằng hình ảnh. Hình ảnh này phản ánh chính xác chủ đề của toàn bộ bản đồ tư duy. Thứ hai, chủ đề chính tỏa ra từ bức tranh trung tâm như những cành cây. Thứ ba, trên các nhánh hoặc đường liên kết này mọc lên nhiều cụm từ khác nhau mang thông tin liên quan trực tiếp đến hình ảnh trung tâm. Có nhiều cấp độ nhánh khác nhau, nhánh càng gần ý chính thì mối quan hệ càng gần với chủ đề chính. Anh em nhà Buzan cũng lưu ý rằng sự sống động và vẻ đẹp của bản đồ tư duy có thể được nâng cao bằng cách thêm hình ảnh, ký hiệu hoặc màu sắc. Điều này giúp kích thích trí nhớ và ghi nhớ thông tin một cách tốt hơn so

với việc sử dụng văn bản thông thường. Cuối cùng, các nhánh tạo thành một cấu trúc nút kết nối, thấy được cách các ý tưởng liên quan đến nhau và tạo thành một mạng lưới logic, giúp hình dung và hiểu mối quan hệ giữa các thông tin một cách dễ dàng.

2.2. Khái niệm Động lực học tập

Theo Brown (1987), "Động lực thường được coi là động lực bên trong. Sự thúc đẩy, cảm xúc hoặc mong muốn dẫn đến hành động cụ thể". Dörnyei (1998) định nghĩa Động lực là yếu tố quan trọng then chốt để giải thích sự thành công hay thất bại của bất kỳ nhiệm vụ phức tạp nào. Chúng ta biết rằng thành công trong một nhiệm vụ là do người đó có động lực hay không.

Động lực là một chủ đề trung tâm trong lĩnh vực giáo dục và rất quan trọng trong việc học ngôn ngữ nói riêng. Động lực cung cấp cho người học một mục tiêu và phương hướng để theo đuổi. Vì vậy, nó là yếu tố chính và là chìa khóa mà người học cần để việc học diễn ra và việc tiếp thu ngôn ngữ thành công. Nó được coi là hướng đến mục tiêu và được định nghĩa là "sự kết hợp giữa nỗ lực với mong muốn đạt được mục tiêu học ngôn ngữ cùng với thái độ tích cực đối với việc học ngôn ngữ" (Gardner, 1985). Do không có đủ động lực nên một số khó khăn có thể xảy ra với người học. Nếu không có lòng ham học thì người học rất khó có thể học tập hiệu quả. Động lực cũng là một yếu tố góp phần quan trọng trong việc tiếp thu ngôn ngữ như các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng và cách phát âm cũng như bốn kỹ năng cơ bản của ngôn ngữ, bao gồm nghe, hiểu, đọc và viết. Động lực là một trong những yếu tố quan trọng trong việc học tiếng Anh và có thể được xem như một công cụ được người học sử dụng để học. Các nhà nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm chỉ ra rằng động lực của người học là một công cụ hiệu quả trong việc cải thiện ngôn ngữ của người học.

Như vậy, động lực có vai trò rất quan trọng trong việc học và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ. Động lực của người học có thể tăng giảm tùy thuộc vào bối cảnh học ngôn ngữ và bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau. Có thể học sinh đến lớp học ngôn ngữ với động lực học ngôn ngữ rất thấp. Giáo viên có thể không có nhiều quyền kiểm soát động lực của học sinh và đôi khi có thể bỏ qua trong trong quá trình giảng dạy. Vì vậy, giáo viên cần nhận thức được tầm quan trọng của động cơ trong việc học ngôn ngữ của người học và thông qua một số thay đổi có thể giúp người học tăng thêm động lực học tập.

2.3. Sử dụng Bản đồ tư duy để nâng cao động lực học tập của người học ngôn ngữ

Bản đồ tư duy đã được sử dụng rộng rãi trong giáo dục nói chung, trong việc dạy và học ngoại ngữ nói riêng. Nó được sử dụng trong việc động não ý tưởng, phát triển, tổ chức ý tưởng và giải quyết vấn đề. Bản đồ tư duy đã được sử dụng như một công cụ hữu ích cho việc dạy và học từ vựng, ngữ pháp, đồng thời có thể áp dụng vào việc nâng cao tất cả các kỹ năng nghe, đọc, nói và viết. Hơn nữa, nó còn hữu ích trong việc trao quyền cho người học, nuôi dưỡng ý thức về năng lực bản thân, nâng cao động lực học và từ đó tối đa hóa tính tự chủ của người học. Bản đồ tư duy được cho là một kỹ thuật tạo ra động lực và kích thích học tập cho người học. Trên hết, nhờ có cấu trúc rõ ràng, bản đồ tư duy giúp ngăn chặn cảm giác mất phương hướng và choáng ngợp. Thêm vào đó, cách thiết kế cùng với những màu sắc và hình ảnh sẽ làm cho bản đồ tư duy hấp dẫn hơn đối với trí não của học sinh và do đó học sinh sẽ chú ý hơn, có động lực và hứng thú hơn trong quá trình học tập. Bằng cách sử dụng sự phát triển mạnh mẽ của thiết kế hình ảnh và đồ họa, bản đồ tư duy có thể làm cho việc dạy và học trở nên sinh động hơn và thúc đẩy khả năng ghi nhớ cũng như nâng cao động lực của người học (Casco, 2009)

Green và Reid (2009) cũng thảo luận về tác dụng của việc sử dụng bản đồ tư duy trong học tập. Họ đồng ý rằng bản đồ tư duy là một kỹ thuật hiệu quả để tạo kết nối vì chúng trình bày những vấn đề liên quan một cách rõ ràng và dễ nhớ. Bản đồ tư duy cũng là một phương pháp tốt để sử dụng hình ảnh, tạo kết nối và hỗ trợ việc tổ chức. Qua nghiên cứu, họ kết luận một số lợi ích mà bản đồ tư duy có thể mang lại. Bản đồ tư duy có thể truyền cảm hứng học tập cho học sinh và cũng khiến các em dễ tiếp thu và hợp tác hơn trong lớp học; Bởi vì bản đồ tư duy có xu hướng chỉ trình bày những kiến thức liên quan dưới dạng rõ ràng và dễ nhớ nên học sinh có xu hướng đạt điểm cao hơn trong các kỳ thi.

Hofland (2007) khẳng định rằng bản đồ tư duy là một kỹ thuật mang lại nhiều lợi ích cho việc dạy và học ngoại ngữ. Nó nâng cao động lực của người học liên quan đến tính sáng tạo trong các nhiệm vụ học tập mà thường được tập trung vào bán cầu não trái. Bà tin rằng bản đồ tư duy rất thú vị và học sinh thích nó vì nó không gây nhàm chán.

(Xem tiếp trang 165)

of the learning process.

It is crucial to emphasize that despite their simplicity, warm-up activities should be thoughtfully prepared. Furthermore, we must consider their connection to subsequent activities to maximize their instructional value. Effective warm-ups are short, relevant to the lesson topic, conducive to further learning, interesting, and enjoyable. By implementing such activities, we can prepare students to concentrate and engage actively in the English class from the outset.

References

1. Best, J. W., & Kahn, J. V. (1986). Research in Education. New Delhi: Prentice-Hall of India Pvt. Ltd, 5th edition.

2. Brown, S. (2006). Teaching Listening. Cambridge, NY: Cambridge University Press.

3. Carrell, P. L. (1983). Some Issues in Studying the Role of Schemata, or Background Knowledge, in Second Language Comprehension. Reading in a foreign language, 1(2), 81-92. Cheung, C. K. (2001). The use of popular culture as a stimulus to motivate secondary students' English learning in Hong Kong. ELT Journal, 55(1), 55-61.

4. Eragamreddy, N. (2013). Teaching Creative Thinking Skills. IJ-ELTS: International Journal of English Language & Translation Studies, 1(2), 4-248.

5. Farrell, T. S. C. (2008). Critical incidents in ELT initial teacher training. ELT Journal, 62(1), 3-10. García, A. M., & Martín, J. C. (2004). Something Old and Something New. Techniques to Improve the Lexical Inventory of EST Students: A Proposal. Revista Estudios Ingleses, 17, 436-444. Hansen, J. G., & Liu, J. (2005). Guiding Principles for Effective Peer Response. ELT Journal, 59 (1), 31-38.

6. Jun, Z. Y. (2000). Warm-up Exercises in Listening Classes. The Internet TESL Journal, VI (10).

Sử dụng bản đồ tư duy để nâng cao.....*(tiếp theo trang 159)*

Như vậy, giáo viên có thể làm nhiều việc để tạo ra tạo động lực hoặc tăng cường động lực cho học sinh theo nhiều cách khác nhau, trong đó có việc sử dụng bản đồ tư duy, một loại công cụ trực quan sinh động. Học tập thông qua bản đồ tư duy, học sinh không chỉ có được hứng thú, động lực mà cả hoạt động học tập cũng trở nên hiệu quả và thành công hơn.

3. Kết luận

Động lực đóng một vai trò quan trọng trong việc học ngôn ngữ như đã được đề cập. Nó thu hút người học vào các hoạt động và tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập hơn. Vì vậy, giáo viên cần chú ý đến những ý tưởng, kỹ thuật dạy học nhằm nâng cao động lực của người học. Bản đồ tư duy được xem là một công cụ rất hữu ích trong việc dạy và học ngôn ngữ. Nhiều màu sắc, biểu tượng, hình ảnh và đường nét khác nhau giúp đánh thức bộ não của người học để sẵn sàng tiếp nhận những điều mới mẻ, chuẩn bị cho việc học dễ dàng hơn nhiều. Khó có thể phủ nhận sự cần thiết và tầm quan trọng của việc sử dụng bản đồ tư duy trong dạy và học ngoại ngữ bởi chúng kích thích sự sáng tạo và thúc đẩy khả năng ghi nhớ. Ngoài ra, bản đồ tư duy còn khiến quá trình học tập trở nên hấp dẫn, vui nhộn và sinh động hơn và do đó có thể nâng cao động lực học tập cho người học.

Tài liệu tham khảo

1. Brown, H.D. (1987). Principles of Language Learning and Teaching. USA: Prentice-Hall, Inc.

2. Buzan, T., & Buzan, B. (1996). The mind map book: How to use radiant thinking to maximize your brain's untapped potential. New York: Plume.

3. Casco, M. (2009). The Use of "Mind Maps" in the Teaching of Foreign Languages. XXXV FAAPI Conference Proceedings. Bahía Blanca.

4. Dörnyei, Z. (1998). Conceptualizing Motivation in Foreign Language Learning. Language Learning, 40, 46-78, 1998.

5. Krasnic, T. (2011). How to study with mind maps: The concise learning method. Alexandria, VA: Concise Books Publishing.

6. Murley, D. (2007). Technology for everyone: Mind mapping complex information. Law Libr. J., 99, 175.

7. Gardner, R. C. (1985). Social Psychology in Second Language Learning. Edward Arnold Ltd, London, Great Britain

8. Green, S., & Reid, G. (2009). Effective learning: Ideas in action. New York, NY: Continuum International Publishing Group.